

Bản án số: 68/2026/HS-PT
Ngày: 12-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Quang

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2026/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang.

- *Bị cáo không có kháng cáo:*

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/7/1997 tại An Giang;

Nơi ĐKTT và cư trú: Ấp S, xã H, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phúc Á và bà Trần Thị Lệ H; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ tư; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn S, sinh ngày 01/5/2007 tại An Giang;

Nơi ĐKTT và cư trú: Ấp T, xã B, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Lữ Thị T1; anh chị em ruột có 06 người, bị cáo người thứ năm; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại kháng cáo: Anh **Trương Văn C**, sinh năm 1991 (có mặt).

Cư trú: **Tổ H, ấp T, xã B, tỉnh An Giang**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn K (H1)**, sinh năm 1979 (có mặt).

Cư trú: **Ấp T, xã B, tỉnh An Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 27/02/2025, **Trần Minh Q, Nguyễn Văn T, Võ Tuấn E, Nguyễn Văn K** (cha ruột của **S**) cùng tổ chức uống bia tại quán nhậu của **Nguyễn Văn S** thuộc **ấp T, xã B, tỉnh An Giang**, sau khi uống được một lúc thì **K** nghỉ và vào nhà ngủ. Trong lúc uống bia **Q** nhớ đến chuyện giữa **Q**, ông **K** mâu thuẫn với **Trương Văn C** trước đó nên rủ **S, T** và **Tuấn E** đi tìm Có để đánh trả thù, tất cả đồng ý. Lúc này, **Q** điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) màu xanh, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter chở **T**; **S** điều khiển xe mô tô biển số 68D1-637.90 màu bạc, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter chở **Tuấn E**, đi được một đoạn thì **T** qua xe đi cùng với **S**.

Khi đến khu vực gần **cầu B thuộc ấp B, xã B, tỉnh An Giang** thì cả nhóm phát hiện Có đang điều khiển xe mô tô chạy trên đường, **Q** điều khiển xe vượt lên hỏi “Sao mày đánh tao lúc sáng” thì Có nói “Mày đợi tao đi”, ngay lúc này **S** dùng chân đạp xe của **C** nhưng không trúng, **C** tăng ga điều khiển xe bỏ chạy thì bị cả nhóm đuổi theo. Khi đến khu vực **tổ I, ấp B, xã B** thì Có dừng, đậu xe và đi vào nhà ông **Nguyễn Văn D**. Cùng lúc **Q** điều khiển xe tới dừng, đậu xe phía sau xe của **C** và xông vào dùng chân phải đạp trúng người của Có thì bị trượt chân té ngã; **S** điều khiển xe chở **Tuấn E** và **T** đến cùng chạy vào trước nhà ông **D**, thì **S** dùng chân đạp trúng người Có, rồi cả hai đánh nhau. Thấy vậy **T** và **Tuấn E** chạy đến định đánh Có thì Có ra phía sau bếp nhà ông **D** lấy một con dao quay ra rượt thì cả nhóm bỏ chạy ra ngoài **Quốc lộ H**, **C** không đuổi theo mà cầm dao đứng trước hiên nhà ông **D** cự cãi với nhóm của **Q**. Lúc này, **Q** lấy một cái ghế nhựa màu đỏ có lưng tựa bị cắt ngắn bốn chân của người dân gần đó dọa đánh **C**; **S** cầm lấy chậu bông ném trúng chân của **C**, thì Có cầm dao đuổi chém **S** và **T**. Thấy vậy, **Q** dùng tay phải cầm ghế đánh một cái từ trên xuống trúng vào vùng đầu của **C** gây thương tích. Sau khi bị thương Có chạy đến trước nhà ông **D**, hai bên tiếp tục dùng gạch, đá ném qua lại nhưng không ai bị thương và được mọi người can ngăn. Đến ngày 23/4/2025, **C** làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình

sự, yêu cầu giám định thương tích gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh A.

Ngày 27/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh A khởi tố vụ án hình sự và ngày 16/10/2025 khởi tố bị can đối với Võ Tuấn E, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S và Trần Minh Q về tội “Cố ý gây thương tích”. Riêng Trần Minh Q đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh A ra quyết định truy nã.

Tại Bản kết luận giám định số 146/KLTTCT-PY ngày 03/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh K kết luận giám định tổn thương cơ thể của bị hại Trương Văn C như sau:

- Kết quả chính: Sẹo phần mềm vùng thái dương trái của Trương Văn C tại thời điểm giám định là: 02% (hai phần trăm).
- Vật gây thương tích: Vật tày có cạnh.
- Thương tích vùng thái dương trái của Trương Văn C do vật tày có cạnh gây nên.

Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 75/KLTTCT ngày 26/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh K kết luận giám định như sau:

1. Các kết quả chính
 - Mẫu vật (ghế nhựa) gửi giám định có phần viền của mặt ghế, tựa lưng, tay vịn và chân ghế có các gờ tạo thành bờ cạnh tù (dạng vật tày có cạnh).
 - Thương tích vùng thái dương trái của Trương Văn C do vật tày có cạnh gây nên.

2. Kết luận

Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến, xác định: Mẫu vật (ghế nhựa) gửi giám định có đặc tính tương tự với đặc tính của vật gây thương tích vùng thái dương trái của Trương Văn C (theo kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 146/KLTTCT-PY ngày 03/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh K nên có thể gây được thương tích này của Trương Văn C.

* Việc thu giữ đồ vật, tài liệu trong quá trình điều tra và xử lý:

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh A thu giữ:

- 01 (một) ghế nhựa màu đỏ nhãn hiệu VIET THANH G008, loại có tựa lưng, có 02 tay vịn, mặt ghế ngồi chiều dài 30cm; chiều rộng phía trước 35cm, phía sau 31cm; tựa lưng có chiều cao 38cm; chiều rộng phần trên 37cm, phần dưới 21cm; 04 (bốn) chân ghế, chiều rộng hai chân ghế trước 47cm, chiều rộng

hai chân ghế sau 33cm, chiều rộng chân ghế trước và chân ghế sau 33cm, đã qua sử dụng;

Vật chứng trên hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - An Giang theo Quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKS-KV4 ngày 21/01/2026 của VKSND Khu vực 4 - An Giang.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu bạc BKS 68D1-637.90, số máy G3D4E1027402, số khung 1010LY256372, đã qua sử dụng và đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp ông Nguyễn Văn K theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13/11/2025 của Công an xã B.

- 01 con dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 16,2cm; phần rộng nhất dài 4,3cm, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng và đã trao trả lại cho ông Nguyễn Văn D theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 10/12/2025 của Công an xã B.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2026/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 115, Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang và bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2026, bị hại **Trương Văn C** có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo **S** và **T**; yêu cầu xem xét lại toàn bộ phần bồi thường thiệt hại; công nhận thu nhập bị mất; buộc bồi thường đầy đủ thiệt hại thực tế; buộc các bị cáo công khai xin lỗi tại phiên tòa và xử lý các đối tượng liên quan đặc biệt đối tượng **Q** tránh bỏ lọt tội phạm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng tội và xin giữ nguyên bản án sơ thẩm. Mỗi bị cáo đã nộp số tiền 5.388.000 đồng bồi thường cho bị hại tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bị hại **Trương Văn C** cho rằng, các bị cáo phạm tội có tổ chức, rượt đuổi bị hại đến cùng và có tính chất côn đồ. Do đó, giữ nguyên nội dung kháng cáo kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo **S** và **T**. Xử lý các đối tượng liên quan đặc biệt đối tượng **Trần Minh Q** tránh bỏ lọt tội phạm.

Về phần trách nhiệm dân sự, bị hại chưa có đủ chứng từ, giấy tờ chứng minh thiệt hại hàng hóa bị hư hỏng và thu nhập bị mất nên rút lại nội dung kháng cáo này, khi nào có đủ chứng cứ sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo **S**, **T** là không có cơ sở chấp nhận. Về phần trách nhiệm dân sự yêu cầu xem xét lại toàn bộ phần bồi thường thiệt hại, bị hại tự nguyện rút lại nội dung kháng cáo này. Tại phiên tòa, bị cáo **T**, **S** đã nộp số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại **Trương Văn C**.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Trương Văn C**; Sửa bản án sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 18/3/2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang về phần trách nhiệm dân sự.

Các bị cáo không có tranh luận gì. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Khoảng 15 giờ ngày 27/02/2025, sau khi uống bia tại quán của Nguyễn Văn S ở ấp T, xã B, tỉnh An Giang, Trần Minh Q nhớ lại mâu thuẫn trước đó với Trương Văn C nên rủ Võ Tuấn E, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S đi tìm Có để đánh trả thù, các bị cáo đồng ý. Khi phát hiện Trương Văn C đang điều khiển xe mô tô trên đường, cả nhóm đuổi theo đến khu vực nhà ông Nguyễn Văn D thuộc ấp B, xã B thì xảy ra cự cãi, xô xát. Trong lúc Có cầm dao đứng trước hiên nhà ông D lời qua tiếng lại với nhóm của Q, Q đã dùng một ghế nhựa đánh từ trên xuống trúng vùng đầu của Có gây thương tích, qua giám định là 2%. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo S, T về tội “Có ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt và phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa bị hại Trương Văn C tự nguyện rút lại nội dung kháng cáo về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị hại Có yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo S và T, thấy rằng: Nguyên nhân vụ án xuất phát từ mâu thuẫn giữa Trần Minh Q với bị hại Trương Văn C trước đó. Khi đang uống bia Q rủ S, T và Tuấn E đi tìm bị hại để đánh trả thù thì tất cả đồng ý. Trong quá trình xảy ra xô xát, bị cáo S dùng chân đạp trúng người bị hại, bị cáo T chạy đến định đánh bị hại nhưng chưa gây thương tích. Sau đó, bị hại lấy dao đuổi chém S và T, nên Q dùng ghế nhựa đánh trúng vùng đầu của bị hại gây thương tích 02%. Như vậy, thương tích của bị hại được xác định Q gây ra, còn bị cáo S và T là đồng phạm có vai trò thứ yếu, không trực tiếp gây ra thương tích. Ngoài ra, các bị cáo S, T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; riêng bị cáo S là người chưa thành niên nên được áp dụng chính sách xử lý đặc thù theo Luật Tư pháp người chưa thành niên. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo, áp dụng Điều 17; Điều 58 Bộ luật

hình sự cá thể hóa hình phạt trong đồng phạm, xử phạt bị cáo T 09 tháng cải tạo không giam giữ và bị cáo S 06 tháng cải tạo không giam giữ là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị hại về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mỗi bị cáo cung cấp biên lai nộp số tiền 5.388.000 đồng bồi thường thiệt hại cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Việc sửa bản án sơ thẩm, trong trường hợp này không có lỗi của cấp sơ thẩm.

Đối với Trần Minh Q sau khi gây án đã bỏ trốn nên bị truy nã. Sau đó, Q đã ra đầu thú và đã được xét xử sơ thẩm. Tại bản án sơ thẩm số: 17/2026/HS-ST ngày 16/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang đã tuyên phạt Trần Minh Q 12 tháng cải tạo không giam giữ. Do đó, bị hại kháng cáo yêu cầu xử lý Trần Minh Q tránh bỏ lọt tội phạm là không có cơ sở.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Trương Văn C; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt; sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bị hại Trương Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Trương Văn C.
2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Trương Văn C** về tăng hình phạt. Sửa bản án sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang về trách nhiệm dân sự.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - **Công an tỉnh A** nhận được quyết định thi hành án hình sự.

4. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 115, Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn S** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - **Công an tỉnh A** nhận được quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T** cho Ủy ban nhân dân xã **H**, tỉnh An Giang và bị cáo **Nguyễn Văn S** cho Ủy ban nhân dân xã **B**, tỉnh An Giang nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 136, 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.1. Buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn S**, mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại **Trương Văn C** số tiền 5.388.000 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

5.2. Bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn S**, mỗi bị cáo đã nộp số tiền 5.388.000 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng), lần lượt theo các biên lai thu tiền số 0002659; 0002660 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, để bồi thường cho bị hại **Trương Văn C**.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị hại **Trương Văn C** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 11/2026/HS-ST ngày 18/3/2026, của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang không có kháng

cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- Viện CT&KSXX Tối cao tại Tp. HCM (1);
- Tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại **Tp . HCM** (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Bị cáo (1);
- VKS KV 1 (1)
- Tòa án KV 1 (1)
- Phòng Thi hành án dân sự (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Trương Ngọc Hồng

